

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN VẤN ĐỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

I- TIÊU CHÍ CẦN THIẾT KHI HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

1. Nhu cầu tất yếu của việc hoàn thiện trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường

Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường không thể dựa trên cơ sở duy ý chí mà phải dựa trên cơ sở khoa học và nhu cầu từ thực tiễn. Có thể thấy việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay xuất phát từ nhu cầu thực tế sau đây:

Một là, xuất phát từ nhu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như chúng ta đều biết, một trong những mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa chính là bảo đảm quyền của con người, quyền con người không chỉ là quyền được sống, quyền tự do theo nghĩa chung nhất mà phải được sống trong môi trường trong lành sạch đẹp, trong môi trường đó con người được sống trường thọ, mạnh khỏe và hữu ích. Do vậy, mọi hành vi làm tổn hại đến môi trường đều phải chịu trách nhiệm pháp lý. Trong nhà nước pháp quyền, việc xác định chính xác trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm pháp luật môi trường nói riêng là một nhu cầu tất yếu khách quan để quyền con người được đảm bảo.

Hai là, xuất phát từ đường lối, quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường, trong đó đề cao nguyên tắc ai vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường thì phải chịu trách nhiệm pháp lý. Quan điểm này được thể hiện rõ trong Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững 1991 - 2000, Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 25-6-1998, của Bộ Chính trị khóa VIII; Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15-11-2004, của Bộ Chính trị khóa IX. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI của Đảng cũng đã nêu rõ mục tiêu chiến lược 2011 - 2020 là: bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển "năng lượng sạch", "sản xuất sạch" và "tiêu dùng sạch"; coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu; bảo vệ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia; đặc biệt chú trọng phát triển nhanh gắn liền với phát triển

bền vững; xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường...

Ba là, xuất phát từ thực trạng phát triển nền kinh tế thị trường hiện nay, các chủ thể kinh tế vì lợi nhuận mà vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, việc quá coi trọng giá trị GDP mà không chú trọng đến những hậu quả to lớn về môi trường, chính vì vậy, môi trường nước ta ngày càng bị xuống cấp và bị ô nhiễm nghiêm trọng, để lại hậu quả phức tạp trong xã hội. Một trong những biện pháp nhằm hạn chế vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay chính là hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Bốn là, xuất phát từ một thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói riêng ở nước ta hiện nay còn nhiều bất cập, chồng chéo và thiếu khả thi trên thực tế, vì vậy không hạn chế được ô nhiễm môi trường hiện nay. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là một nhu cầu cấp thiết.

2. Các tiêu chí cần thiết khi hoàn thiện vấn đề trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường

Pháp luật về trách nhiệm pháp lý nằm trong hệ thống pháp luật nói chung, do vậy, khi hoàn thiện các quy định

pháp luật này đòi hỏi phải đáp ứng được các tiêu chí chung của hệ thống pháp luật, đó là:

- Tính ổn định của pháp luật. Đây là yêu cầu cần thiết, bởi không thể thường xuyên đảo lộn các quan hệ xã hội bằng việc thay đổi pháp luật.

- Tính chuẩn mực, tức là tính quy phạm của pháp luật. Bản thân pháp luật là hệ thống các quy phạm, tức là các chuẩn mực. Giá trị của pháp luật chính là tạo ra các chuẩn mực cho các chủ thể khác nhau trong đời sống xã hội. Nếu pháp luật không chứa đựng các chuẩn mực thì ý nghĩa của nó trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội không lớn.

- Tính nhất quán, tính hệ thống của pháp luật. Pháp luật phải có tính nhất quán, thể hiện ở chỗ các văn bản pháp luật trong cùng một lĩnh vực, có khi trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đều phải bảo đảm thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể.

- Tính minh bạch của pháp luật là một đòi hỏi rất quan trọng. Một hệ thống pháp luật công kênh, khó tiếp cận, khó hiểu, khó vận dụng và chứa đựng những mâu thuẫn nội tại không thể được coi là minh bạch và không thể trở thành nền tảng cho nhà nước pháp quyền.

Ngoài các tiêu chí chung trên thì xuất phát từ những đặc trưng riêng của pháp luật trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, theo tác giả việc hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực này phải đảm bảo các tiêu chí sau:

Thứ nhất, việc hoàn thiện các quy định trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải bảo đảm

được tính rắn đê và trừng phạt. Có thể thấy, hiện nay các quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, kể cả các quy định trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực này, chưa đủ mạnh để hạn chế được các vi phạm về bảo vệ môi trường. Điều này thể hiện ở chỗ mức phạt tiền trong trách nhiệm hành chính cũng như hình sự là quá nhẹ so với việc phải đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến các vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong thời gian qua không hề giảm mà ngày càng gia tăng về số lượng và về cả độ tinh vi.

Thứ hai, trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải bảo đảm tính kịp thời. Có thể nói, hệ thống các quy định về bảo vệ môi trường nước ta tương đối đầy đủ nhưng vẫn không hạn chế được vi phạm, vì các quy định hầu như mới chỉ dừng ở quy định mang tính nguyên tắc chứ chưa có quy định chi tiết, cụ thể và kịp thời. Luật bảo vệ môi trường được ban hành năm 2005, nhưng mãi đến ngày 3-12-2010, Nhà nước mới ban hành Nghị định số 113/2010/NĐ-CP quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường. Nghị định này ra đời sau khi vụ án Vedan xảy ra và các cơ quan tiến hành áp dụng pháp luật lúng túng trong việc xác định thiệt hại do hành vi xả nước thải gây ô nhiễm môi trường của Công ty Vedan; trong Luật bảo vệ môi trường năm 2005 có Điều 38 quy định bảo vệ môi trường làng nghề, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có văn bản dưới luật nào hướng dẫn cụ thể về bảo vệ môi trường làng nghề, phân cấp quản lý và phân công cụ thể cho từng đối tượng.

Hiện nay, chức năng bảo vệ môi trường làng nghề của các địa phương còn mờ nhạt, mới chỉ dừng lại ở việc quy định trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thứ ba, do môi trường bao gồm nhiều thành phần có mối quan hệ chặt chẽ và tác động với nhau (như: đất, nước, không khí, ánh sáng, âm thanh...), nếu một trong những thành phần môi trường bị ô nhiễm thì cũng ảnh hưởng đến các thành phần khác. Ví dụ, nếu môi trường đất bị ô nhiễm thì môi trường nước cũng bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, khi hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong việc quy định các biện pháp xử phạt giữa các thành phần môi trường này.

Thứ tư, việc hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực này phải bảo đảm tính thực thi trên thực tế. Hiện nay, các quy định về thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, do vậy mà tình trạng vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường vẫn diễn ra ngày càng tinh vi và phức tạp. Chế tài hình sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vẫn chỉ nằm trên giấy. Mức phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa phù hợp với tình hình thực tế. Pháp luật về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại về môi trường) trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn quá chung chung, thiếu cụ thể và khó áp dụng. Chưa có các quy định rõ ràng để phân biệt giữa trách nhiệm khắc phục, phục hồi môi trường theo pháp luật về hành chính hay pháp luật về dân sự...

Thứ năm, pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải bảo đảm tính công bằng giữa cá nhân và tổ chức. Nói cách khác, việc hoàn thiện các quy định này phải đáp ứng được yêu cầu mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý. Nhất là đối với pháp nhân - một chủ thể chủ yếu trong vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, - thì phải chịu trách nhiệm hình sự. Hiện nay, theo quy định của pháp luật hình sự nước ta thì pháp nhân không phải chủ thể của pháp luật hình sự mà chỉ có cá nhân mới bị coi là tội phạm, điều này dẫn đến sự không công bằng khi truy cứu trách nhiệm hình sự nói chung và trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói riêng. Một thực tế là chủ thể vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường chủ yếu là pháp nhân chứ không phải là cá nhân, chính từ sự bất cập này mà hiện nay các pháp nhân vẫn đang vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, nếu hiện nay pháp luật chưa quy định được trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thì cần phải có quy định trách nhiệm hình sự đối với người đứng đầu pháp nhân, nếu người đứng đầu chỉ thực hiện hành vi theo Hội đồng quản trị thì cần phải truy cứu cả các thành viên trong Hội đồng quản trị với tư cách là đồng phạm. Đồng thời, nên quy định mức xử phạt hành chính của pháp nhân cao hơn so với cá nhân trong cùng một hành vi. Có như vậy thì các pháp nhân mới có ý thức trong việc bảo vệ môi trường.

II- MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN VẤN ĐỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

1. Hoàn thiện các biện pháp trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường

Từ những bất cập của các quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở nước ta đã được trình bày ở trên, để góp phần hoàn thiện các quy định về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xin đề xuất một số kiến nghị sau:

a) Về trách nhiệm hình sự

Để cho các quy định về trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có tính khả thi, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định về tội phạm môi trường theo hướng sau:

Thứ nhất, để quy định trách nhiệm hình sự của chủ thể có hành vi gây thiệt hại cho môi trường thì không cần thiết phải có dấu hiệu hậu quả, vì hậu quả của hành vi xâm hại đến các yếu tố cấu thành nên môi trường rất đa dạng, mặt khác rất khó có được các tiêu chí có tính khoa học và thực tiễn để đánh giá một cách đầy đủ mức độ tác động của hành vi xâm hại tới môi trường. Đồng thời, hậu quả của hành vi xâm hại môi trường khó xác định được ngay sau khi hành vi vi phạm được thực hiện mà thường phải có một quá trình chuyển hóa rất lâu, vì trên thực tế thiệt hại do hành vi xâm hại môi trường gây ra có loại trực tiếp có thể cân, đong, đo, đếm được cũng có thể là thiệt hại

gián tiếp, tiềm ẩn thường phải ước lượng, dự đoán, khó có những tiêu chí có thể đánh giá thiệt hại một cách chính xác. Chính vì vậy mà pháp luật ở một số nước như Xingapo, Ôxtrâylia... chỉ quy định tội phạm môi trường là loại tội phạm có cấu thành hình thức, và hậu quả (nếu có) chỉ là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên chăng, pháp luật hình sự về bảo vệ môi trường ở nước ta cũng nên sửa đổi theo hướng quy định tội phạm môi trường là tội phạm cấu thành hình thức, không cần tính đến dấu hiệu gây hậu quả mà chỉ quy định chất thải vượt quá tiêu chuẩn bao nhiêu lần và khối lượng chất thải ra môi trường đến ngưỡng nào thì bị xử lý hình sự.

Thứ hai, xác định rõ pháp nhân là chủ thể của các tội phạm về môi trường.

Về vấn đề này, hiện nay đang có nhiều quan điểm cho rằng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường sẽ có nhiều pháp nhân kinh tế ra đời, và hầu hết việc vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đều do các pháp nhân này vi phạm, nhiều trường hợp người đại diện của pháp nhân chỉ thực hiện theo chỉ đạo của pháp nhân mà thôi, do vậy nên ghi nhận chế định trách nhiệm hình sự đối với một số loại pháp nhân kinh tế như: công ty, doanh nghiệp... Đây là loại trách nhiệm đồng thời pháp nhân và thể nhân đều phải chịu trách nhiệm hình sự về cùng một hành vi phạm tội. Hiện nay, trên thế giới đã có nhiều quốc gia quy định chế định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân như Anh, Pháp, Mỹ, Trung Quốc, Xingapo, Nhật Bản...

Song, xuất phát từ điều kiện kinh tế, xã hội, pháp luật, văn hóa, lịch sử... của nước ta, các nhà lập pháp nước ta cho rằng vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân cũng chưa cần thiết, cấp bách đến mức phải ghi nhận trong pháp luật hình sự Việt Nam vì những lý do sau đây:

- Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành có các chế tài pháp lý phi hình sự được quy định bởi các ngành luật tương ứng (như luật hành chính, dân sự, môi trường...), mà nếu các chế tài ấy được xây dựng một cách khoa học phù hợp với thực tiễn thì cũng có thể áp dụng đối với pháp nhân vì lợi ích của mình đã để cho người đại diện của mình thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm, chứ không nhất thiết phải quy định trong luật hình sự.

- Về mặt lý luận, thông thường trong hình sự theo cách hiểu truyền thống và cũng là ý kiến phổ biến được thừa nhận trong khoa học pháp lý hình sự, thì lỗi là một trong những yếu tố không thể thiếu được để truy cứu trách nhiệm hình sự và được hiểu là trạng thái tâm lý chỉ có ở con người, do vậy không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân.

Tuy nhiên, trong tương lai, để bảo đảm cho quá trình hội nhập thì các nhà nước nên xem xét vấn đề chủ thể của tội phạm là pháp nhân, dựa trên các căn cứ sau:

- Trong điều kiện hiện nay, các hoạt động kinh tế cơ bản là do pháp nhân thực hiện. Nếu pháp nhân không thể coi là chủ thể của tội phạm, tức là hành vi, việc làm của pháp nhân đó dù nguy hiểm cho xã hội đến đâu cũng không bị

coi là tội phạm và không bị xử lý bằng biện pháp nghiêm khắc nhất là hình phạt thì nhà nước sẽ không kiểm soát được các hành vi vi phạm của pháp nhân, đặc biệt là không sử dụng các biện pháp hữu hiệu là biện pháp hình sự để chống lại hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

- Trong trường hợp người đại diện pháp nhân thực hiện hành vi bị coi là tội phạm, nếu pháp luật chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự với đối với người đó mà không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân, trong khi người được hưởng nhiều lợi ích do hành vi phạm tội mang lại chính là pháp nhân, như vậy ở đây đã có sự bỏ lọt tội phạm và sự thiếu công bằng giữa các chủ thể phạm tội.

- Ở những quốc gia mà pháp luật hình sự coi pháp nhân là tội phạm thì đồng thời pháp luật cũng có hình phạt áp dụng riêng cho các pháp nhân phạm tội. Xuất phát từ cơ sở thực tế là những hành vi phạm tội của pháp nhân thường xảy ra trong hoạt động kinh tế với mục đích kiếm được nhiều lợi nhuận hơn cá nhân, vì vậy phạt tiền với số lượng lớn hoặc hạn chế quyền tự do kinh doanh của pháp nhân được coi là những hình phạt có tác dụng giáo dục, phòng ngừa hơn cả.

Từ sự phân tích trên cho thấy, Nhà nước ta đã đến lúc phải coi pháp nhân là một chủ thể của pháp luật hình sự, nhất là trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, vì thực tế hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường của pháp nhân có tính nguy hiểm cao cho xã hội, hành vi này đang diễn ra ngày càng phổ biến và có thể được chứng minh bằng tố tụng,

đây chính là những điều kiện để hình sự hóa một hành vi. Việc quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm xét về bản chất không có gì bất cập trong việc áp dụng pháp luật hình sự nói riêng cũng như trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Trước mắt, khi pháp luật nước ta chưa quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm môi trường thì nên có quy định phân biệt trách nhiệm của pháp nhân và cá nhân vi phạm pháp luật về môi trường theo hướng trách nhiệm của pháp nhân phải cao hơn trách nhiệm cá nhân trong cùng một hành vi vi phạm, vì nếu hành vi đó được thực hiện bởi pháp nhân thì tính chất cũng như mức độ nguy hại của hành vi đó thường bao giờ cũng cao hơn so với hành vi thực hiện bởi cá nhân. Đồng thời, Việt Nam có thể học tập Philippin quy định trường hợp pháp nhân có hành vi vi phạm mà người đứng đầu pháp nhân, người quản lý điều hành pháp nhân nếu đã đồng ý hoặc biết về hành vi vi phạm nhưng không có biện pháp ngăn chặn thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm với tư cách là chính phạm. Trường hợp người vi phạm là quan chức hoặc nhân viên công quyền thì ngoài hình phạt đã quy định, người này còn bị đình chỉ chức vụ và cấm đảm nhiệm chức vụ có liên quan sau khi mãn hạn chấp hành hình phạt.

Thứ ba, cần ban hành các văn bản quy định thế nào là "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng" hay "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng", được hướng dẫn theo từng điều luật cụ thể nhằm định lượng được chính

xác hơn về mức độ hậu quả của từng tội danh. Đồng thời, cần ban hành văn bản hướng dẫn thế nào là "diện tích rất lớn", "diện tích đặc biệt lớn". Vì theo khoản 1 Điều 185 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: "Người nào lợi dụng việc nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế liệu hoặc hóa chất, chế phẩm sinh học hoặc bằng thủ đoạn khác đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải nguy hại hoặc chất thải khác với số lượng lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ hai trăm triệu đồng đến một tỷ đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm". Khoản 1, khoản 2 Điều 189 tội hủy hoại rừng có quy định về hủy hoại rừng với "diện tích rất lớn", "diện tích đặc biệt lớn". Nhưng hiện nay chưa hề có văn bản nào hướng dẫn thế nào là "số lượng lớn", thế nào là "diện tích rất lớn", "diện tích đặc biệt lớn", điều này dẫn đến cách hiểu khác nhau, từ đó dẫn đến việc giải quyết khác nhau của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ tư, cần thiết sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 2009 quy định thêm các tội phạm môi trường đối với các hành vi gây tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn cho phép; sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người; hành vi cản trở hoạt động bảo vệ môi trường... Đồng thời, cần nghiên cứu để có phương án xử lý về mặt hình sự trong những trường hợp cố ý không cung cấp thông tin, hoặc cố ý cung cấp

thông tin giả mạo, cản trở người dân tham gia, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường...

Nên sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự theo hướng tăng thời hạn trong công tác điều tra hình sự (có thể lên đến 8 tháng) đối với loại tội phạm môi trường, vì Bộ luật hình sự nước ta hiện nay quy định, một hành vi được coi là tội phạm môi trường thì các cơ quan cảnh sát điều tra phải xác định được hậu quả và mức độ thiệt hại do hậu quả của hành vi đó gây ra, mà việc xác định này đòi hỏi phải tốn công sức, tiền bạc và thời gian. Do vậy, với thời gian điều tra được quy định như hiện nay (thông thường là 4 tháng), rất khó cho các cơ quan cảnh sát điều tra về tội phạm môi trường.

Thứ năm, cần tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với tội phạm môi trường và bảo đảm sự tương xứng giữa các chế tài của các tội phạm về môi trường. Qua nghiên cứu tội phạm môi trường trong Bộ luật hình sự năm 1999 cho thấy, Nhà nước ta đã thể hiện thái độ trừng trị nghiêm khắc hơn đối với các tội phạm về môi trường so với Bộ luật hình sự năm 1985. Tuy nhiên, xuất phát từ nhu cầu đấu tranh đối với các tội phạm trong giai đoạn hiện nay, sự nghiêm khắc đó vẫn chưa thỏa đáng. Vì vậy, cần hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự theo hướng khắc phục hạn chế trên. Cần tham khảo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, như Cộng hòa Liên bang Đức đã đưa ra các yếu tố tăng nặng trong một số trường hợp như vi phạm kéo dài, hành vi cố tình coi thường pháp luật... sẽ bị

áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn. Bên cạnh đó, hình phạt tiền phải đủ lớn để cho các chủ thể vi phạm, nhất là các chủ doanh nghiệp không thể coi mức phạt như là một khoản chi phí trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, khi quy định về hình phạt tiền cần xem xét đến hai khả năng:

- Song song với trách nhiệm hình sự, trong trường hợp cần thiết áp dụng trách nhiệm dân sự liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý, phục hồi môi trường bị ô nhiễm, suy thoái. Một trong những nguyên tắc để thực hiện đó là người gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm, đây là nguyên tắc được xây dựng và phát triển với tính chất là một nguyên tắc kinh tế.

- Bên cạnh hai hình phạt bổ sung là phạt tiền và cấm đảm nhiệm chức vụ như quy định hiện nay, cần quy định các hình phạt bổ sung khác, đặc biệt là các hình phạt đánh vào kinh tế do hoạt động phạm tội mà có (ví dụ, buộc tiến hành các hoạt động hoặc chi trả cho các hoạt động khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi nguyên trạng môi trường), có như vậy mới đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

b) Về trách nhiệm hành chính

Có thể nói, các quy định pháp luật về trách nhiệm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tương đối đầy đủ nhất so với các hình thức trách nhiệm pháp lý khác. Tuy nhiên, các quy định về trách nhiệm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều bất cập và thiếu tính khả thi. Chính vì vậy, việc hoàn thiện các quy định

này là rất cần thiết, dưới góc độ nghiên cứu của mình, tác giả xin đề xuất một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, cần xác định rõ biện pháp "khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường" thuộc loại trách nhiệm nào (hành chính hay dân sự) vì theo quy định tại Điều 263 Bộ luật dân sự năm 2005, "Khi sử dụng, bảo quản, từ bỏ tài sản của mình, chủ sở hữu phải tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; nếu làm ô nhiễm môi trường thì phải chấm dứt hành vi gây ô nhiễm, thực hiện các biện pháp để khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại"; nhưng tại điểm b khoản 3 Điều 3 và các điều khác trong Nghị định số 117/2009/NĐ-CP, ngày 31-12-2009 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cũng quy định, các cá nhân hoặc tổ chức gây ô nhiễm môi trường ngoài việc bị xử phạt còn bị áp dụng hình phạt bổ sung: "Buộc phục hồi môi trường, thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường...". Như vậy, biện pháp phục hồi môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường thuộc trách nhiệm dân sự hay trách nhiệm hành chính, điều này cần phải quy định rõ ràng, tránh sự chồng chéo dẫn đến việc khó áp dụng cho các cơ quan có thẩm quyền.

Một số quan điểm cho rằng, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường là một biện pháp xử lý hành chính, do cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính quyết định. Điểm c khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013 quy định: "Các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm: [...] Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình

trạng ô nhiễm môi trường lây lan dịch bệnh gây nên"; Tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 117/2009/NĐ-CP quy định: "Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: ... Buộc phục hồi môi trường; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm", suy thoái, sự cố môi trường do hành vi vi phạm gây ra... Như vậy, nếu coi đây là trách nhiệm hành chính thì chủ thể gây ô nhiễm phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng yêu cầu mà cơ quan có thẩm quyền quyết định. Quan điểm này hoàn toàn hợp lý nếu hành vi làm ô nhiễm môi trường chưa gây nên bất kỳ thiệt hại về môi trường (thiệt hại đối với các thành phần môi trường thuộc sở hữu chung của cộng đồng, của Nhà nước) mà cũng chưa gây thiệt hại về kinh tế cho tổ chức, cá nhân.

Quan điểm khác lại cho rằng, không thể tách biệt một cách rạch ròi giữa chi phí hợp lý để khắc phục tình trạng môi trường bị ô nhiễm với chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại về tài sản do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra. Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Trong trường hợp tài sản bị xâm phạm thì thiệt hại được bồi thường bao gồm tài sản bị mất, bị hủy hoại, hoặc bị hư hỏng; lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại. Vì vậy, phải coi trách nhiệm khắc phục tình trạng môi trường bị ô nhiễm (cũng chính là khắc phục

thiệt hại về tài sản) là một phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tổ chức, cá nhân; và khi đó bản chất của loại trách nhiệm này là trách nhiệm dân sự giữa người gây thiệt hại và người bị thiệt hại có thể thỏa thuận về mức bồi thường, phương thức và hình thức bồi thường.

Theo tác giả, "khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường" là trách nhiệm hành chính, nếu như hành vi gây ô nhiễm môi trường công cộng nói chung (ví dụ, môi trường mang tính chất thuộc sở hữu chung của cộng đồng, của Nhà nước không thuộc phạm vi của chủ thể cụ thể nào) thì lúc này các cơ quan quản lý nhà nước sẽ áp dụng biện pháp "khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường" với tính chất là trách nhiệm hành chính. Còn trong trường hợp hành vi gây ô nhiễm môi trường làm thiệt hại trực tiếp đến môi trường sống và kinh doanh của một chủ thể cụ thể (ví dụ, hành vi thải nước bẩn làm ô nhiễm ao nuôi cá của một gia đình làm cho cá chết hàng loạt) thì lúc này biện pháp "khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường" là trách nhiệm dân sự giữa người gây thiệt hại và người bị thiệt hại, họ có thể thỏa thuận về mức bồi thường, phương thức và hình thức bồi thường. Nếu chủ thể vi phạm không bồi thường thì người bị thiệt hại có thể khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại theo luật dân sự. Như vậy, luật nên cụ thể, thống nhất phương thức áp dụng trách nhiệm "khắc phục tình trạng môi trường bị ô nhiễm" theo hai hướng phân tích trên. Điều này sẽ giúp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuận lợi trong việc áp dụng pháp luật.

Thứ hai, hiện nay tuy khung tiền phạt đã được nâng cao đáp ứng được tính răn đe đối với đối tượng bị thanh tra, kiểm tra, nhưng khung phạt cao mà áp dụng với các cơ sở nhỏ, đặc biệt là các hộ kinh doanh cá thể hoặc với cá nhân lại là không bảo đảm tính khả thi, vì làm nghiêm thì họ phá sản, thậm chí chây ì không chịu chấp hành nộp phạt. Đặc biệt đối với cá nhân, cùng một hành vi, đôi khi cá nhân có thể vừa bị truy cứu trách nhiệm hình sự vừa bị xử phạt tiền, trong khi đó đối với pháp nhân theo quy định của pháp luật thì chỉ có thể bị xử phạt tiền. Rõ ràng ở đây có sự không công bằng trong việc áp dụng trách nhiệm pháp lý. Do vậy, nên xem xét quy định theo hướng mức phạt tiền đối với pháp nhân cao hơn mức phạt tiền đối với cá nhân, giống như ở Canada.

Thứ ba, tăng mức phạt tiền của người có thẩm quyền xử phạt sao cho phù hợp với quy định mức phạt tại Nghị định số 117/2009/NĐ-CP.

Từ thực tiễn áp dụng pháp luật cũng như những yêu cầu mới từ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, cần phải có quy định cụ thể và thống nhất xuyên suốt về việc lập đề án bảo vệ môi trường. Đồng thời, cũng không nên quy định về thời hiệu và thời hạn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với việc lập, trình đề án bảo vệ môi trường, đề xuất "biện pháp khắc phục hậu quả" cũng như đối với hành vi "không có hồ sơ môi trường" như đã quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 117/2009/NĐ-CP.

Thứ tư, cần ban hành quy định, trình tự thủ tục thanh, kiểm tra môi trường theo hướng nhanh gọn và bảo đảm tính bất ngờ. Đối với thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường, không thông báo cho đối tượng bị kiểm tra biết trước dài ngày (có thể thông báo trước 1-2 ngày), đồng thời tăng cường kiểm tra đột xuất.

Cần tăng cường trang thiết bị cho thanh tra môi trường vì hiện nay, để có cơ sở xử phạt, thanh tra phải có thiết bị phân tích thành phần môi trường bị ô nhiễm, nếu không thì không thể xử phạt hành vi gây ô nhiễm môi trường được. Chẳng hạn, khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 117/2009/NĐ-CP có quy định về xử phạt hành vi thải mùi hôi thối, mùi khó chịu vào môi trường. Nhưng hiện nay chúng ta chưa có thiết bị để thu mẫu và phân tích, cũng như chưa có ban hành ngưỡng về mùi hôi thối. Mặc dù trên thực tế có rất nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh thải ra môi trường mùi rất khó chịu, nhưng không thể xử phạt vi phạm hành chính được.

Nên tăng thời hiệu xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (có thể là 3 đến 5 năm), vì nếu quy định thời hiệu xử phạt là 2 năm như hiện nay thì hầu hết các doanh nghiệp đều có thể trốn tránh được việc xử phạt hành chính. Thực tế cho thấy, khi các cơ quan chức năng phát hiện một doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường thì có thể hành vi vi phạm này đã xảy ra trước đó rồi và không doanh nghiệp nào lại tự nhận, họ có thể khai là mới có hành vi vi phạm. Như vậy, các hành vi trước đó không bị

xử phạt hành chính nữa mà chỉ phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (mà việc xác định hậu quả trong bảo vệ môi trường là rất khó như đã trình bày ở trên).

c) Về trách nhiệm dân sự

Đối với trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, có thể nói, hiện nay còn rất thiếu và nhiều bất cập, do vậy trong thời gian tới cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với các hình thức trách nhiệm dân sự như trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm chấm dứt hành vi vi phạm cần được quy định đầy đủ và thống nhất, tránh việc dẫn chiếu như hiện nay dẫn đến việc khó xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Cần có văn bản hướng dẫn chi tiết và bổ sung Điều 1 của Nghị định số 113/2010/NĐ-CP, ngày 3-12-2010 của Chính phủ về việc xác định thiệt hại đối với môi trường như sau:

"Nghị định này xác định thiệt hại đối với môi trường bao gồm: thu thập dữ liệu, chứng cứ, để xác định thiệt hại đối với môi trường, tính toán thiệt hại đối với môi trường và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trong các trường hợp sau đây:

a) Môi trường nước phục vụ mục đích bảo tồn, sinh hoạt, giải trí, sản xuất và mục đích khác bị ô nhiễm, bị ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng, bị ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng;

b) Môi trường đất phục vụ mục đích bảo tồn, sản xuất và mục đích khác bị ô nhiễm, bị ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng, bị ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng;

c) Môi trường không khí, ánh sáng, âm thanh phục vụ mục đích bảo tồn, sản xuất và mục đích khác bị ô nhiễm, bị ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng, bị ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng;

d) Hệ sinh thái tự nhiên thuộc và không thuộc khu bảo tồn thiên nhiên bị suy thoái;

đ) Loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật bị chết, bị thương".

Vì trên thực tế hiện nay ô nhiễm ở nước ta chủ yếu tập trung ở ô nhiễm đất, nước và không khí. Trong ba loại ô nhiễm này thì ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, khu công nghiệp và làng nghề là nghiêm trọng nhất, mức độ ô nhiễm vượt nhiều lần tiêu chuẩn cho phép.

Thứ hai, luật nên thừa nhận cho những người có lợi ích bị xâm hại có tính chất giống nhau (như các hộ nông dân trong vụ Vedan) có quyền thành lập một tổ chức xã hội có tư cách pháp nhân để bảo vệ các lợi ích chung của các thành viên. Tổ chức này tồn tại chỉ với sứ mạng đó và giải tán sau khi các thành viên đạt được mục tiêu chung. Luật có thể cho phép tổ chức này thu hội phí, thậm chí thu nhận sự ủng hộ vật chất ngoài xã hội để tạo nguồn quỹ phục vụ cho các hoạt động của nó. Bởi vì với việc quy định như hiện nay, khi một khu vực dân cư bị ô nhiễm môi trường thì những người dân trong khu vực đó không thể tự

mình làm đơn khởi kiện mà phải làm đơn gửi Ủy ban nhân dân thay mặt họ đứng ra giải quyết, hoặc ủy quyền cho tổ chức nào đó, như Hội Nông dân chẳng hạn.

Thứ ba, cần giải quyết vấn đề nghĩa vụ chứng minh theo hướng đặt nặng trách nhiệm của người gây thiệt hại hơn là trách nhiệm của người bị thiệt hại. Ví dụ, luật có thể quy định rằng khi trong phạm vi khu vực một doanh nghiệp đang hoạt động có hiện tượng xuống cấp của môi trường sống và hiện tượng này xảy ra cùng một lúc với sự xuất hiện của chất thải do doanh nghiệp này thải ra, thì mối liên hệ nhân quả giữa hai sự kiện đó đương nhiên được xác lập. Khi đó, chính doanh nghiệp phải chứng minh cho được rằng các chất thải ấy không phải là tác nhân hủy hoại môi trường, nếu không chứng minh được thì doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm pháp lý theo sự suy đoán của luật pháp và phải bồi thường thiệt hại cho những người dân sinh sống trong vùng, theo các bản kê khai được thẩm định.

Thứ tư, nên xem xét lại thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (có thể tăng lên đến 5 năm), nếu quy định là 2 năm như hiện nay sẽ không hợp lý vì trên thực tế trong lĩnh vực môi trường, ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm không hoàn toàn trùng khít với ngày phát sinh thiệt hại.

Thứ năm, về vấn đề sử dụng nguồn kinh phí để khắc phục ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp nhà nước còn rất thiếu, hiện nay mới chỉ có Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg, ngày 29-4-2008 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định

số 38/2011/QĐ-TTg, ngày 5-7-2011, về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; nhưng các quyết định này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp công ích gây ô nhiễm môi trường do "kho thuốc bảo vệ thực vật; bệnh viện; bãi rác; điểm tồn lưu chất hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh; trạm xử lý nước thải sinh hoạt đô thị", các doanh nghiệp này được Nhà nước trực tiếp hỗ trợ kinh phí để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường. Như vậy, ngoài các doanh nghiệp được quy định trong Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg và 38/2011/QĐ-TTg, thì các doanh nghiệp khác hầu như không có quy định cụ thể về việc sử dụng nguồn kinh phí để khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra (đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhà nước). Một thực tế nảy sinh trong quá trình áp dụng biện pháp trách nhiệm bồi thường thiệt hại là các doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhà nước) không biết sử dụng kinh phí nào để bồi thường thiệt hại khi họ là chủ thể gây thiệt hại và có trách nhiệm phải bồi thường. Có doanh nghiệp thì tính khoản bồi thường thiệt hại vào giá thành sản phẩm, trong khi đó có doanh nghiệp lại bị trừ vào lợi tức sau thuế. Pháp luật nên quy định bắt buộc các doanh nghiệp phải có một quỹ về bồi thường thiệt hại nói chung và bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói riêng.

Thứ sáu, pháp luật cần có các quy định mang tính linh hoạt hơn trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại, vì trong lĩnh vực môi trường, do giá trị của các thiệt hại về môi trường

thường rất lớn và khó xác định, nên trong tuyệt đại đa số các trường hợp áp dụng trách nhiệm bồi thường toàn bộ và kịp thời các thiệt hại (theo quy định của luật như hiện nay) là điều khó có thể thực hiện được. Luật pháp có thể quy định người gây thiệt hại đối với môi trường có thể bồi thường một lần hoặc nhiều lần trong khoảng thời gian tối đa một số năm nhất định nào đó kể từ ngày áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Quy định về phân loại thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra, nên chia làm hai loại:

1- Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của các tổ chức và cá nhân (gọi tắt là thiệt hại về kinh tế). Đối tượng bị thiệt hại là các tổ chức, cá nhân được xác định cụ thể. Cách xác định này được áp dụng theo các quy định chung trong Bộ luật dân sự.

2- Thiệt hại về tài nguyên môi trường sinh thái (gọi tắt là thiệt hại về môi trường). Đối tượng bị thiệt hại là Nhà nước và cộng đồng dân sự. Thiệt hại do môi trường bị xâm phạm phải được hiểu là bao gồm những thiệt hại do suy giảm các nguồn tài nguyên và phải được tính bao gồm các khoản sau đây:

- Chi phí hợp lý cho việc phục hồi lại tình trạng môi trường ban đầu đã bị hủy hoại;

- Những tổn thất do không sử dụng được các thành phần môi trường bị ô nhiễm hư hại;

- Những tổn thất dưới dạng các thu nhập không nhận được (lợi nhuận bị mất đi);

- Chi phí hành chính và chi phí kỹ thuật cho việc khảo sát, phân tích, đánh giá chất lượng môi trường trước và sau khi phục hồi...

Trong quá trình áp dụng các biện pháp bồi thường thiệt hại gây nên bởi ô nhiễm thì hai loại thiệt hại này nhất thiết phải được tính độc lập, riêng rẽ với nhau để thuận tiện cho việc xác định trách nhiệm bồi thường đối với từng đối tượng cụ thể.

Đồng thời, khi tính thiệt hại để bồi thường do ô nhiễm môi trường, pháp luật cũng cần phải xem xét thiệt hại về tinh thần vì hiện nay trong các thiệt hại về môi trường được quy định trong Luật bảo vệ môi trường năm 2005 không hề có quy định nào về thiệt hại tinh thần do ô nhiễm môi trường gây ra. Đây là một thiếu sót lớn bởi vì rõ ràng ở đây có thiệt hại về tinh thần, đặc biệt là có thiệt hại về tinh thần trong trường hợp sức khỏe bị tổn hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra. Chẳng hạn, một người biết mình mắc bệnh ung thư mà nguyên nhân là do ô nhiễm môi trường gây ra thì chắc chắn họ sẽ bị ảnh hưởng tinh thần nặng nề. Từ đó thiết nghĩ, cần phải bổ sung loại thiệt hại này trong quy định của pháp luật trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở nước ta.

Ngoài ra, pháp luật cũng cần có quy định cụ thể về việc xác định trách nhiệm lâu dài vì thực tế cho thấy, không ít trường hợp hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường không xảy ra ngay sau khi có hành vi gây ô nhiễm mà phải trải qua thời gian rất dài mới nảy sinh,

xuất hiện. Để làm được việc này, nhất thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà làm luật với các chuyên gia quản lý môi trường và kinh tế môi trường để có thể xác định được những hành vi nào có khả năng để lại hậu quả lâu dài và cách thức tính các loại thiệt hại này.

2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường

Để bảo đảm việc hoàn thiện pháp luật trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mang tính toàn diện, phải bảo đảm tính thống nhất với Luật bảo vệ môi trường. Vì vậy, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là quy định từng điều khoản cụ thể đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là vấn đề có ý nghĩa to lớn đối với công tác bảo vệ môi trường ở nước ta. Hệ thống pháp luật môi trường ở nước ta phải phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam, phải mang tính khả thi và hạn chế được sự tác động tiêu cực tới môi trường, đồng thời phải mang tính giáo dục sâu sắc đối với mọi người. Khi hệ thống pháp luật được ban hành cần phải có giải pháp làm cho luật đi vào cuộc sống, để mọi người cùng hiểu, từ đó họ sẽ có ý thức hơn trong hành động của mình đối với môi trường sống.

Từ những bất cập của hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật bảo vệ môi trường nói riêng, để góp phần hoàn thiện thêm về pháp luật môi trường của Việt Nam, xin nêu một số kiến nghị chung sau:

- Phải quán triệt sâu sắc quan điểm, bảo vệ môi trường phải là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong

đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với phương châm lấy phòng ngừa và ngăn chặn làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hướng tới mục tiêu không ngừng bảo vệ và cải thiện môi trường nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

- Nhanh chóng hoàn thiện quá trình điều chỉnh pháp luật về môi trường; giải quyết một cách hài hòa, đồng bộ về mối liên hệ bản chất phổ biến giữa phát triển kinh tế, chế độ pháp lý, hợp tác quốc tế và các vấn đề xã hội; phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong vấn đề bảo vệ môi trường, xã hội hóa các phương thức bảo vệ môi trường; giải quyết mối quan hệ giữa Luật bảo vệ môi trường và các luật chuyên ngành trong điều chỉnh pháp luật về môi trường, phát huy đồng bộ sức mạnh của các biện pháp pháp luật hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, đặc biệt là các biện pháp kinh tế để bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cần tập trung vào điều chỉnh một cách đồng bộ, thống nhất các yêu cầu bảo vệ môi trường

gắn với phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; ban hành đầy đủ và hoàn thiện các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường; các quy định về đánh giá tác động môi trường; các quy định về quản lý chất thải, nhất là các chất thải ở khu đô thị và khu công nghiệp; ban hành các văn bản cụ thể hóa quá trình công khai hóa, dân chủ hóa hoạt động bảo vệ môi trường; hoàn thiện các quy định về nguồn lực bảo vệ môi trường như thuế bảo vệ môi trường, phí bảo vệ môi trường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường. Thể chế hóa chính sách sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Quy định cụ thể, chi tiết các hình thức trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đặc biệt trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trách nhiệm phục hồi môi trường trong trường hợp gây ô nhiễm, làm thiệt hại tới môi trường. Có các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích áp dụng các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và sử dụng công nghệ sạch.

- Hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Hoàn thiện các quy định xử lý về mặt dân sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường theo quy định tại Điều 131 Luật bảo vệ môi trường về việc xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra; hoàn thiện các quy định xử lý về mặt hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường; hoàn thiện các quy định xử lý về mặt

hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường theo hướng tăng mức xử phạt đủ mức răn đe, kiên quyết tạm thời đình chỉ hoạt động, cấm hoạt động đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và xử lý hình sự đối với các trường hợp có đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định.

- Cho phép quy định ngay trong các văn bản có hiệu lực pháp lý cao (như luật, pháp lệnh) các hình thức trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm; vì qua kinh nghiệm của một số nước, nhất là Xingapo - một nước có thể nói là thành công trong việc bảo vệ môi trường, việc xác định trách nhiệm pháp lý (trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, thậm chí cả trách nhiệm hình sự) trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được các nước này quy định ngay trong văn bản pháp luật chuyên ngành. Quy định như vậy làm cho việc xác định trách nhiệm pháp lý có độ chính xác cao, đòi hỏi các nhà làm luật phải thận trọng hơn trong việc xác định trách nhiệm của chủ thể vi phạm, nhất là đối với trách nhiệm hình sự; đồng thời quy định như vậy cũng sẽ thuận lợi hơn cho người áp dụng pháp luật. Hơn thế, cùng với sự thay đổi tính chất của các quan hệ xã hội thì khi thay đổi một điều luật trong văn bản luật chuyên ngành, nhất là khi quy định trách nhiệm với hành vi vi phạm mới, sẽ không phải kéo theo sự thay đổi trong các văn bản pháp luật khác, điều này làm cho việc xử lý vi phạm được kịp thời. Trong khi đó, ở nước ta hiện nay, muốn quy định

hình thức trách nhiệm (nhất là trách nhiệm hình sự) đối với hành vi vi phạm mới thì kéo theo đó là sự phải thay đổi, bổ sung hàng loạt các văn bản có liên quan khác và việc thay đổi, bổ sung các văn bản đó thường rất chậm, làm cho việc xử lý vi phạm không kịp thời, nhiều khi bỏ lọt cả vi phạm.

- Tăng cường hình thức xử phạt tiền đối với hành vi gây thiệt hại cho môi trường, vì các hành vi này sẽ gây ra các những thiệt hại về môi trường cần phải có kinh phí để khắc phục. Hơn nữa, việc áp dụng hình thức phạt tiền sẽ mang lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tạo quỹ để bảo đảm cho môi trường ở trạng thái có thể chấp nhận được và góp phần giải quyết hậu quả lâu dài do hành vi xâm hại môi trường gây ra.

- Để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trước tình hình mới, cần sớm nhanh chóng hoàn thiện chế định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, phân công, phân cấp chức năng, nhiệm vụ rõ ràng giữa các Bộ, ngành và địa phương trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; xác định rõ nội dung của quản lý nhà nước về môi trường, xác định rõ chức năng, quyền hạn và quan hệ phối hợp giữa "cơ quan quản lý nhà nước thống nhất" về môi trường và "cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành" để tạo thuận lợi cho việc quản lý mà không gây phức tạp cho cơ sở. Tăng cường năng lực cho các tổ chức chuyên môn, chuyên trách về bảo vệ môi trường trong các bộ, ngành. Củng cố đội ngũ cán bộ môi trường cấp xã. Phân cấp rõ ràng

trong việc thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định rõ thanh tra cấp nào thì được thanh tra vấn đề gì, tránh tình trạng nhiều đoàn thanh tra cùng thanh tra về một vấn đề, gây khó khăn cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Tăng cường năng lực cho các cơ quan thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường, tăng cường năng lực cho các cơ quan xử lý tội phạm môi trường. Quan tâm củng cố năng lực điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm và tranh chấp về môi trường.

- Tăng cường công tác hậu kiểm và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; tăng cường lực lượng cán bộ cả về số lượng và chất lượng đi đôi với tăng cường đầu tư trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân và đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

- Ban hành các quy định nhằm giải quyết vấn đề xung đột pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Trên thực tế, nhiều sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường xảy ra có hậu quả và ảnh hưởng rất lớn trong một phạm vi rộng. Thiệt hại mà nó gây ra đôi khi không chỉ đối với một quốc

gia mà là cả một khu vực. Chính vì thế, vấn đề bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của riêng một quốc gia nào mà là vấn đề quốc tế. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng có điều ước quốc tế để áp dụng điều chỉnh. Vì vậy quy định luật xung đột là rất cần thiết nhằm giải quyết các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3. Các biện pháp khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

a) Giáo dục đạo đức môi trường

Mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đều phải chịu trách nhiệm pháp lý, tuy nhiên trong cuộc sống hằng ngày, không phải bất kỳ hành vi nào của con người cũng có thể soi xét được bằng pháp luật, bởi vì pháp luật dù có đầy đủ đến bao nhiêu cũng không thể bao quát hết được các hành vi của con người. Hơn nữa, ngày nay khi vấn đề môi trường sinh thái đã trở thành một trong những vấn đề toàn cầu căng thẳng nhất, cấp bách nhất thì việc bảo vệ môi trường cần phải coi như một yêu cầu mới của thời đại đối với phẩm chất con người. Do đó, những ai có hành vi hủy hoại môi trường, phá hoại sự cân bằng sinh thái đều bị coi là vi phạm chuẩn mực đạo đức. Vấn đề đạo đức trong quan hệ môi trường có vị trí quan trọng đối với việc bảo vệ môi trường.

Ở nước ta, khi bàn về vấn đề bảo vệ môi trường, các yếu tố xã hội - nhân văn chưa được chú ý đúng mức, đặc biệt là các yếu tố về văn hóa truyền thống, đạo đức, lối sống,

mặc dù đó là các yếu tố rất quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi của con người trong quá trình khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Trong thực tế, những hành vi phá hoại môi trường như việc khai thác, sử dụng lãng phí, bừa bãi nguồn tài nguyên thiên nhiên, việc gây ô nhiễm nặng nề đối với môi trường sống lâu nay chỉ bị truy cứu trách nhiệm pháp lý và bị xét xử theo luật định, chứ hoàn toàn không bị lên án về phương diện đạo đức, lối sống.

Đạo đức môi trường là khái niệm rộng, tuy nhiên có thể hiểu khái niệm đạo đức môi trường ở khía cạnh sau:

- Đạo đức môi trường là những chuẩn mực tự nhiên, bình thường ngấm sâu trong hành vi và trong phong cách sinh hoạt, ứng xử của mỗi người và mỗi cộng đồng (con người bảo vệ môi trường, tôn trọng giới tự nhiên và cẩn trọng trước hệ sinh thái một cách tự nhiên không cần ai ra lệnh, không vì mục đích vụ lợi nào khác).

- Đạo đức môi trường biểu hiện thiết thực trong hành vi. Trình độ cao của đạo đức môi trường là biểu hiện ý thức và kỹ năng xử lý những vấn đề môi trường, tức là thái độ của con người trước những vấn đề bảo vệ môi trường. Đối với đạo đức môi trường, sự tự giác của con người đòi hỏi ở mức độ rất cao, bởi vì trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên không có sự phù hợp trực tiếp về lợi ích giữa chủ thể đạo đức (con người) với khách thể đạo đức (tự nhiên). Con người với tư cách là chủ thể của đạo đức, bao giờ cũng là kẻ thu lợi ích về mình, còn sự trả thù của thiên nhiên

xảy ra sau tất cả những gì con người đã làm gây tác hại đến tự nhiên.

Chuẩn mực đạo đức môi trường được thể hiện trên các khía cạnh sau¹:

- Đối với tự nhiên, phải bảo đảm khả năng tái tạo và tự hồi phục của các thực thể tự nhiên như động, thực vật..., đối với những tài nguyên không tái tạo được như khoáng sản, các nhiên liệu hóa thạch, phải khai thác và sử dụng hợp lý, nghĩa là phải tận dụng được mọi tính năng của chúng với hiệu quả cao nhất, dùng tiết kiệm, không lãng phí, nếu không sau một thời gian thì tài nguyên sẽ cạn kiệt.

- Về mặt xã hội, các chuẩn mực hành vi đạo đức sinh thái (con người với thiên nhiên) lại được biểu hiện thông qua chất lượng sinh thái của các sản phẩm được sản xuất ra (lương thực, thực phẩm, các mặt hàng tiêu dùng, các loại đồ ăn, thức uống...), bởi vì khi một sản phẩm được đưa vào thị trường tiêu thụ thì chất lượng của sản phẩm đó không chỉ biểu thị giá trị sinh thái mà còn nói lên phẩm chất đạo đức của người sản xuất, nghĩa là mang giá trị đạo đức xã hội rất rõ ràng, thường việc vi phạm chuẩn mực đạo đức này cũng có hai trường hợp:

+ Trường hợp thứ nhất là do người sản xuất không biết cách sử dụng hoặc không biết hậu quả nguy hiểm của sản phẩm do mình làm ra mà chỉ biết có lợi thì làm.

1. Nguyễn Văn Gừng: *Một số vấn đề bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 130.

+ Trường hợp thứ hai là người sản xuất đã biết tác hại của việc lạm dụng hóa chất, nhưng vì lợi ích trước mắt họ sẵn sàng sử dụng chất hóa học đó mà không hề áy náy, xấu hổ với lương tâm.

Đối với trường hợp thứ nhất, có thể dùng giáo dục, tuyên truyền nâng cao trình độ hiểu biết của người sản xuất về tác hại của hóa chất để họ dần hạn chế và sử dụng đúng các loại hóa chất đó nhằm giảm đến mức thấp nhất tác hại của nó. Còn trường hợp thứ hai, sự can thiệp của đạo đức không còn tác dụng mạnh mẽ, mà phải dùng đến pháp luật thông qua phản ứng quyết liệt của người tiêu dùng.

- Chuẩn mực của đạo đức môi trường còn được thể hiện ở ý thức chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường. Việc người dân tự giác thu gom, tập trung các chất thải vào đúng nơi quy định, hạn chế mức độ ô nhiễm môi trường cũng là hành vi có đạo đức môi trường. Việc hạn chế các hành vi phi đạo đức môi trường cũng đòi hỏi Nhà nước tạo điều kiện cần thiết như phải có các biện pháp thu gom các chất thải thuận lợi, thường xuyên đặt các thùng rác để việc tập kết thu gom được thuận tiện, các cấp chính quyền phải quan tâm quản lý, giám sát và cần có những biện pháp nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân.

Ngoài ra, hành vi đạo đức môi trường còn được điều chỉnh bởi dư luận xã hội, phong tục, tập quán. Việc sử dụng dư luận xã hội, tập quán hay biện pháp tâm lý xã hội để điều chỉnh hành vi của con người trong điều kiện nước

ta là vô cùng cần thiết. Do điều kiện lịch sử, điều kiện khách quan mà từ trước đến nay, hầu hết các đồng bào dân tộc thiểu số miền núi quen sống theo phong tục tập quán, còn người dân ở các làng quê thì quen sống theo "hương ước". Ngày nay, tuy người dân đã dần dần có ý thức sống và làm việc theo quy định của luật pháp, song pháp luật dù có hoàn thiện đến đâu cũng không thể điều chỉnh hết các quan hệ xã hội đa dạng. Bổ sung cho sự trống vắng đó của pháp luật chính là các phong tục tập quán tốt đẹp và các hương ước mới của các làng quê. Có thể nói, những "luật tục", những "hương ước" mới được xây dựng trên cơ sở kết hợp các điều khoản trong các bộ luật của Nhà nước với những phong tục, tập quán đặc trưng của từng vùng, miền sẽ góp phần điều chỉnh hành vi đạo đức, không chỉ giữa con người với con người trong xã hội, mà còn góp phần tích cực điều chỉnh hành vi đạo đức của con người với môi trường thiên nhiên xung quanh.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường

Tình trạng thiếu hiểu biết về môi trường đối với đời sống của con người và các biện pháp phòng, chống ô nhiễm môi trường là một nguyên nhân quan trọng tác động xấu đến môi trường và cũng là trở ngại lớn trong việc tìm kiếm giải pháp bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sẽ giúp cho người dân có những kiến thức nhất định về môi trường, từ đó có trách nhiệm bảo vệ môi trường. Hiểu biết về môi trường có tác động

trực tiếp hoặc gián tiếp làm thay đổi thái độ, hành vi của con người trong cộng đồng, thúc đẩy họ tự nguyện tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường từ đơn giản nhất đến phức tạp nhất, và không chỉ tự mình tham gia mà còn lôi cuốn những người khác cùng tham gia, tạo nên kết quả chung cho toàn xã hội. Chính vì vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất.

Việc tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường được thực hiện dưới nhiều hình thức như:

- Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục, cần bố trí chương trình dạy và học một cách liên tục để cho học sinh có ý thức bảo vệ môi trường.

- Tạo điều kiện và khuyến khích để người dân thường xuyên nhận được các thông tin về môi trường như một biện pháp cơ bản bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh các phong trào quần chúng về bảo vệ môi trường như phong trào "xanh - sạch - đẹp", tuần lễ nước sạch vệ sinh môi trường... đồng thời kết hợp với các hoạt động tuyên truyền về tác hại của ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu và xây dựng hệ thống bảo đảm thông tin cho cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương và đến từng người dân. Hệ thống bảo đảm thông tin giúp cho việc chuẩn hóa các quy trình quản lý thông tin môi trường, thống nhất một mô hình quản lý chung cho tất cả các cơ quan quản lý môi trường từ trung ương tới địa phương.

- Tạo dư luận xã hội lên án nghiêm khắc đối với các hành vi gây mất vệ sinh và ô nhiễm môi trường đi đôi với việc áp dụng các chế tài xử phạt nghiêm mọi vi phạm.

- Xây dựng tiêu chí chuẩn mực về môi trường để đánh giá mức độ bảo vệ môi trường của từng doanh nghiệp, gia đình, khu phố...

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường từ trung ương đến địa phương. Cần nghiên cứu mô hình có một ban về công tác bảo vệ môi trường ở cấp xã, phường. Chính phủ cần có cơ chế cân đối nhân lực định biên cho nhiệm vụ này. Thực tế ở các cấp phường, xã, những vấn đề về môi trường như thu gom, xử lý rác thải, làm vệ sinh trên địa bàn cũng như việc ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường ở các cấp quận/huyện, phường/xã đang nan giải và ngày càng trở nên bức xúc. Tuy nhiên, các địa phương khác nhau tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội của mình mà lựa chọn mô hình cho phù hợp, ngay cả trong một tỉnh, mô hình tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp huyện cũng không thể giống nhau.

Các hệ thống quản lý nhà nước phải hiện đại hóa, thay đổi phương pháp làm việc để phù hợp với yêu cầu mới, đặc biệt là xu thế ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, cơ cấu tổ chức.

Các Bộ, ngành trung ương theo chức năng, cần có sự phối kết hợp để có những văn bản hướng dẫn quy trình,

tiêu chuẩn quy phạm về công tác vệ sinh môi trường ở các cấp địa phương.

Nghiên cứu và đề xuất mô hình tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở cấp xã, phường sao cho hợp lý, phù hợp với pháp luật và tính chất, đặc điểm của chính quyền cơ sở hiện nay.

Tiếp tục hoàn thiện và tăng cường năng lực tổ chức bộ máy, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ trung ương đến cơ sở. Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các ngành, các cấp. Xây dựng và phát triển các cơ chế giải quyết vấn đề môi trường liên ngành, liên vùng. Chú trọng năng lực ứng phó sự cố môi trường.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Quy định và áp dụng các chế tài cần thiết để xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường

Xác định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của Nhà nước, cá nhân, tổ chức và cộng đồng, đặc biệt đề cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất và dịch vụ.

Tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường. Hình thành các loại hình tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận, chứng nhận về bảo vệ môi trường. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường.

Chú trọng xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước, cam kết về bảo vệ môi trường và các mô hình tự quản về môi trường của cộng đồng dân cư.

Phát triển các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, đề cao trách nhiệm, tăng cường sự tham gia có hiệu quả các tổ chức chính trị - xã hội, các phương tiện truyền thông hoạt động bảo vệ môi trường.

d) Áp dụng các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường

Các biện pháp kinh tế được sử dụng khá hiệu quả trong các hoạt động quản lý vi mô và vĩ mô đối với nền kinh tế. Trong quản lý và bảo vệ môi trường, các biện pháp kinh tế cũng phát huy tác dụng của nó. Sử dụng biện pháp kinh tế là dùng đến những đòn bẩy lợi ích kinh tế. Thực chất của biện pháp kinh tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là việc dùng những lợi ích vật chất để kích thích chủ thể thực hiện những hoạt động có lợi cho môi trường, cho cộng đồng. Các biện pháp kinh tế được thực hiện trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm:

- Thành lập các quỹ bảo vệ môi trường.
- Áp dụng các ưu đãi về thuế đối với những doanh nghiệp, những dự án có giải pháp tốt về bảo vệ môi trường.
- Áp dụng thuế suất cao đối với những sản phẩm mà việc sản xuất chúng có tác động xấu đến môi trường.
- Gắn hạn chế hoặc khuyến khích thương mại với việc bảo vệ môi trường.
- Khuyến khích áp dụng các cơ chế chuyển nhượng và trách nhiệm xử lý chất thải phù hợp với cơ chế thị trường.

Các biện pháp kinh tế rất phong phú và đa dạng. Việc sử dụng chúng trong bảo vệ môi trường phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, về cơ bản, các biện pháp kinh tế thường mang lại hiệu quả cao hơn trong bảo vệ môi trường so với các biện pháp khác.

e) Áp dụng biện pháp khoa học - công nghệ

Môi trường được tạo bởi nhiều yếu tố vật chất phức tạp. Việc tìm cấu trúc, quy luật hoạt động và các ảnh hưởng của môi trường nói chung và các yếu tố cấu thành nó nói riêng không thể thực hiện một cách đầy đủ nếu thiếu các biện pháp khoa học công nghệ. Chẳng hạn như việc xử lý chất thải, nếu cộng đồng chỉ xử lý chất thải bằng phương pháp thủ công như đốt rác, chôn rác thì việc tránh ô nhiễm này sẽ dẫn tới ô nhiễm khác. Khi số lượng dân cư ngày càng đông hơn thì công nghệ xử lý chất thải đòi hỏi phải có những biện pháp khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến. Việc áp dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ được khẳng định trong Nguyên tắc thứ 9 của Tuyên bố của Liên hợp quốc về môi trường và phát triển (Rio De Janeiro, 1992): "Các quốc gia nên hợp tác để củng cố xây dựng năng lực nội sinh cho sự phát triển lâu bền bằng cách nâng cao sự hiểu biết khoa học thông qua trao đổi kiến thức khoa học và công nghệ, và bằng cách đẩy mạnh sự phát triển, thích nghi truyền bá và chuyển giao công nghệ, kể cả những công nghệ mới và canh tân".

KẾT LUẬN

Môi trường đóng vai trò hết sức quan trọng, nó bảo đảm sự tồn tại, phát triển của nền kinh tế và sự sống con người, bởi vì nó không chỉ cung cấp nguồn tài nguyên đầu vào cho sản xuất, tiện nghi sinh hoạt cho con người mà còn là nơi chứa chấp và hấp thụ phế thải sản xuất và sinh hoạt do con người thải ra. Tuy nhiên, hiện nay môi trường ngày càng bị xuống cấp, sự ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường diễn ra hàng ngày với mức độ cao, đặt con người trước sự trả thù ghê gớm của thiên nhiên. Chính vì vậy, vấn đề bảo vệ môi trường đang là vấn đề nóng bỏng của toàn cầu và mỗi một quốc gia. Ở nước ta, bảo vệ môi trường ngày nay đã trở thành một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước. Bằng những biện pháp khác nhau, Nhà nước ta đang can thiệp mạnh mẽ vào các hoạt động của các cá nhân, tổ chức trong xã hội nhằm bảo vệ môi trường và một trong những biện pháp hữu hiệu nhất chính là pháp luật. Pháp luật với tư cách là hệ thống các quy phạm điều chỉnh hành vi xử sự của con người sẽ tác động đến con người,

ngăn không cho con người có những hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại, làm mất cân bằng sinh thái môi trường. Đồng thời, pháp luật cũng định hướng cho con người trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo đúng các tiêu chuẩn nhất định.

Bên cạnh đó, pháp luật cũng quy định các biện pháp trách nhiệm pháp lý (hình sự, dân sự, hành chính) áp dụng với các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường và các cá nhân, tổ chức này phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước, cộng đồng hoặc cá nhân bị thiệt hại. Các chế tài này được sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vừa có tác dụng ngăn chặn vi phạm pháp luật môi trường vừa có tác dụng giáo dục công dân tôn trọng Luật bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, pháp luật bảo vệ môi trường nói chung và các biện pháp trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực này nói riêng hiện nay ở nước ta còn nhiều bất cập, thiếu rõ ràng. Ngày 23-6-2014, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật bảo vệ môi trường, có hiệu lực từ ngày 1-1-2015, thay thế Luật bảo vệ môi trường năm 2005. Tuy vậy, Luật bảo vệ môi trường còn nhiều điểm chưa đồng bộ, thống nhất với một số đạo luật khác trong hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, hệ thống cơ quan áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ,

mức xử phạt hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa đủ mạnh để răn đe các chủ thể vi phạm.

Trên cơ sở quan điểm của Đảng về việc hoàn thiện những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Nhà nước cần xây dựng, ban hành, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo phương hướng và giải pháp sau:

- Phải quán triệt sâu sắc quan điểm, bảo vệ môi trường phải là nội dung cơ bản không thể tách rời đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

- Việc hoàn thiện các quy định trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải bảo đảm được tính răn đe, trừng phạt, kịp thời và thống nhất; đồng thời cũng phải bảo đảm tính công bằng giữa cá nhân và tổ chức.

- Quy định cụ thể, chi tiết các hình thức trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đặc biệt trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trách nhiệm phục hồi môi trường trong trường hợp gây ô nhiễm, làm thiệt hại tới môi trường; các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích áp dụng các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và sử dụng công nghệ sạch.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường, đẩy

mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Thực hiện tổng hợp và đồng bộ các giải pháp trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thiện trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I- Tiếng Việt

1. Dương Thanh An: *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về môi trường*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, 2012.
2. Nguyễn Xuân Anh: "Một số vấn đề liên quan đến trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam", tạp chí *Tòa án nhân dân tối cao*, số 4, 2005.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Tuyển tập các báo cáo khoa học hội nghị môi trường toàn quốc*, Hà Nội, 2005.
4. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường: *Tiến tới hoàn thiện cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003.
5. Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý: *Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường*, Nxb. Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2005.
6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: *Thông tư số 71/2003/TT-BNN*, ngày 25-3-2003, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 26/2003/NĐ-CP, ngày 19-3-2003 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch, 2003.

7. Batrilo I.L.: "Chế định trách nhiệm trong quản lý", tạp chí Nhà nước và pháp luật Liên Xô, số 6, 1977.
8. C. Mác - Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t.I.
9. Cục Môi trường: *Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường*, Nxb. Hà Nội, 2000.
10. Cục Bảo vệ môi trường, Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp: *Những nội dung cấm vi phạm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2003.
11. *Nghị định số 109/2003/NĐ-CP, ngày 29-3-2003 của Chính phủ về bảo vệ và phát triển bền vững vùng ngập nước.*
12. *Nghị định số 70/2003-CP, ngày 17-6-2003 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.*
13. *Nghị định số 67/2003-CP, ngày 13-6-2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường với nước thải.*
14. *Nghị định số 26/2003/NĐ-CP, ngày 19-3-2003 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực phẩm.*
15. *Nghị định số 139/2004/NĐ-CP, ngày 25-6-2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.*
16. *Nghị định số 137/2004/NĐ-CP, ngày 16-6-2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển và thêm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

17. Nghị định số 80/2006/NĐ-CP, ngày 9-8-2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2005.
18. Nghị định số 81/2006/NĐ-CP, ngày 9-8-2006 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
19. Nghị định số 65/2006/NĐ-CP, ngày 23-6-2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra tài nguyên môi trường.
20. Nghị định số 117/2009/NĐ-CP, ngày 31-12-2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
21. Nghị định số 113/2010/NĐ-CP, ngày 3-12-2010 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường.
22. Nghị định số 72/2010/NĐ-CP, ngày 8-7-2010 của Chính phủ quy định về phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.
23. Nguyễn Văn Gừng: Một số vấn đề bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
24. TS. Phạm Hồng Hải: "Vấn đề tội phạm hoá một số hành vi xâm hại tới môi trường trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành", tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6, 2001.
25. GS.VS. Phạm Minh Hạc, GS.TS. Nguyễn Hữu Tăng (Chủ biên): Tiến tới kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý

- nhà nước về bảo vệ môi trường ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
26. TS. Vũ Thu Hạnh, ThS. Trần Thị Thu Trang: "Các phương thức giải quyết tranh chấp môi trường ở Australia", Trang điện tử Trung tâm Nghiên cứu pháp luật và phát triển bền vững, 2009.
 27. TS. Vũ Thu Hạnh: "Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường", tạp chí *Khoa học pháp lý Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh*, số 3, 2007.
 28. Trần Lê Hồng: "Nhận thức chung về tội phạm môi trường và một số vấn đề liên quan", tạp chí *Khoa học pháp lý*, số 4, 2001.
 29. PGS.TS. Nguyễn Đức Khiển: *Quản lý môi trường*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội, 2002.
 30. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội: *Giáo trình Lý luận chung nhà nước và pháp luật*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
 31. Phạm Văn Lợi: *Tội phạm môi trường - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
 32. TS. Phạm Văn Lợi, PGS.TS. Nguyễn Văn Động: *Kiểm tra của cơ quan hành chính nhà nước đối với việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005.
 33. Trần Thắng Lợi: "Trách nhiệm pháp lý về môi trường ở một số nước", tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 3, 2004.

34. TS. Phạm Hữu Nghị: "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bảo vệ môi trường", tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 1, 2002.
35. TS. Phạm Hữu Nghị, Bùi Đức Hiền: "Pháp luật về thiệt hại, xác định thiệt hại do hành vi ô nhiễm môi trường gây ra và định hướng xây dựng, hoàn thiện", tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 1, 2011.
36. Vũ Bình Minh: "Để Luật bảo vệ môi trường nhanh chóng phát huy tác dụng", tạp chí *Bảo vệ môi trường*, số 2, 2006.
37. Malein H.C.: *Vi phạm pháp luật*, Nxb. Mátxcova, 1985.
38. Hoàng Thị Ngân: "Trách nhiệm pháp lý", tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 2, 2001.
39. Đinh Thị Mai Phương: "Trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường của pháp luật Việt Nam", tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 12, 2003.
40. GS.TS. Hoàng Thị Kim Quế: "Một số suy nghĩ về trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức", tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 3, 2000.
41. ThS. Bùi Văn Quyết: *Kinh tế môi trường*, Nxb. Tài chính, Hà Nội, 2009.
42. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.*
43. *Luật bảo vệ môi trường năm 1993.*
44. *Luật dầu khí năm 1993.*
45. *Luật tài nguyên nước năm 1998.*
46. *Luật dầu khí (sửa đổi, bổ sung năm 2000).*

47. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001).*
48. *Luật đất đai năm 2003.*
49. *Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004.*
50. *Luật bảo vệ môi trường năm 2005.*
51. *Luật dầu khí năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2008).*
52. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
53. Bùi Ngọc Sơn: "Trách nhiệm Hiến pháp", tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 4, 2003.
54. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật môi trường*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.
55. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật dân sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2008.
56. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.
57. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004.
58. GS.TS. Phạm Hồng Thái, PGS.TS. Đinh Văn Mậu: *Giáo trình hành chính và tài phán hành chính Việt Nam*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2008.
59. GS.TS. Phạm Hồng Thái, Đinh Văn Mậu: *Giải đáp pháp luật: Luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
60. *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Phần Luật môi trường*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2000.

61. GS.TSKH. Đào Trí Úc: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
62. GS.TSKH. Đào Trí Úc, GS.TS. Võ Khánh Vinh: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội ở nước ta*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.
63. GS.TSKH. Đào Trí Úc, GS.TS. Võ Khánh Vinh: *Chính sách hình sự đối với các tội phạm môi trường*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.
64. Nguyễn Thị Tố Uyên: "Một số vấn đề về tội phạm môi trường ở Việt Nam", tạp chí *Dân chủ và pháp luật*, số 10, 2010.
65. Nguyễn Thị Tố Uyên: "Trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam", tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số 7, 2011.
66. Nguyễn Thị Tố Uyên: "Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam", tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số 4, 2012.
67. *Pháp lệnh chất lượng hàng hoá năm 2000.*
68. *Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001.*
69. *Pháp lệnh xử phạt hành chính năm 2002.*
70. *Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003.*
71. *Pháp lệnh thú y năm 2004.*
72. *Pháp lệnh xử phạt hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2008).*

73. "Vedan đã chấp nhận bồi thường 120 tỷ cho nông dân Đồng Nai", <http://vnexpress.net/GL/Xa-hoi/2010/08>.
74. "Xử lý hình sự vi phạm môi trường - những bất cập của pháp luật Việt Nam", [http:// natrure.org.vn/vn/](http://natrure.org.vn/vn/) 2009/04.

II- Tài liệu nước ngoài

1. Asian Development Bank: *Capacity Building for Environmental Law in the Asian and Pacific Region*, 2002.
2. Environmental Law Program, UNITAR: 2007 (www.uniter.org/elp).
3. Environmental Crimes: Profiting at the Earth's Expense, <http://ehp.niehs.nih.gov/>.
4. INTERPOL: *Advocacy Memorandum Arguments for Prosecutors of Environmental Crimes*, 2007.
5. Minister of the Environment, Government of Canada: *Canada Environmental Protection Act*, 1999.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Chương I</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
	7
I- Những vấn đề về môi trường và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	7
1. Nhận thức chung về môi trường	7
2. Những vấn đề lý luận về trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường	13
3. Vai trò, đặc trưng của trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường	24
4. Quan điểm của Đảng về việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường	32
II- Trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường của một số nước	37
1. Pháp luật về bảo vệ môi trường của Xingapo	38
2. Pháp luật về bảo vệ môi trường của Thái Lan	42
3. Pháp luật về bảo vệ môi trường của Trung Quốc	43
4. Pháp luật về bảo vệ môi trường của Philíppin	46
5. Pháp luật về bảo vệ môi trường của Canada	48
6. Pháp luật về bảo vệ môi trường của Thụy Điển	50

Chương II

THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM 55

I- Thực trạng môi trường và trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam 55

1. Thực trạng môi trường và tình hình vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường 55
2. Các quy định về trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường 69

II- Những hạn chế của các quy định về trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay 90

1. Những hạn chế của pháp luật bảo vệ môi trường nói chung 90
2. Những bất cập của các quy định trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường 98
3. Một số vấn đề về trách nhiệm pháp lý qua vụ án Vedan 114

Chương III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN VẤN ĐỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM 123

I- Tiêu chí cần thiết khi hoàn thiện các quy định về trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam 123

1. Nhu cầu tất yếu của việc hoàn thiện trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường	12
2. Các tiêu chí cần thiết khi hoàn thiện vấn đề trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường	12
II- Một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện vấn đề trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Việt Nam	13
1. Hoàn thiện các biện pháp trách nhiệm pháp lý trong pháp luật bảo vệ môi trường	13
2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường	14
3. Các biện pháp khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường	15
Kết luận	16
Tài liệu tham khảo	16

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. **PHẠM THỊ THINH**
NGUYỄN MAI ANH
Trình bày bìa: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Chế bản vi tính: **HOÀNG MINH TÁM**
Sửa bản in: **PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT**
Đọc sách mẫu: **MAI ANH**

In 500 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Nhà in Sự Thật.

A2CN4 Cụm công nghiệp Từ Liêm - Hà Nội.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1378-2014/CXB/28-90/CTQG

Giấy phép xuất bản số: 4930-QĐ/NXBCTQG ngày 18-9-2014.

In xong nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2014.

Mã số ISBN: 978-604-57-0985-6.

